

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 8 - 2021

V/v ly hôn giữa chị L và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Bà Nguyễn Thị Yên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L - sinh năm 1981 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Xóm, thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Nơi ở: Xóm, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc Hưng – sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm, thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2021 và bản tự khai ngày 02/6/2021 và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04/6/2021, nguyên đơn chị Vũ Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Lê Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1999.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H chơi bời thường xuyên uống rượu say về đánh chửi vợ con, mặc dù đã được chị, bạn bè và người thân động viên khuyên giải nhưng anh H không sửa chữa. Từ tháng

02/2021 chị đưa các con về nhà mẹ đẻ là bà Phùng Thị S cư trú tại xóm 6, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định ở, cũng từ đó vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Ngọc H.

Về con chung: Giữa chị và anh H có 03 con chung là Lê Ngọc N, sinh ngày 28/10/2000; Lê Thị Tuyết Á, sinh ngày 13/10/2010 và Lê Bảo A, sinh ngày 11/3/2020. Hiện nay cháu N đã thành niên lao động tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; 02 cháu Á và A đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi các con không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: Anh Lê Ngọc H đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh H không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn (chị L) đã thực hiện đúng; bị đơn (anh H) đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Lê Ngọc H.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao 02 con chung là Lê Thị Tuyết Á, sinh ngày 13/10/2010 và Lê Bảo A, sinh ngày 11/3/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Đối với cháu Lê Ngọc N, sinh ngày 28/10/2000 đã trưởng thành, lao động tự lập được đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Lê Ngọc H đã được Tòa án nhân dân huyện Nam Trực triệu tập đến trụ sở để giải quyết việc hôn nhân giữa anh với chị

Bùi Thị L. Anh H vẫn có hộ khẩu thường trú tại: Xóm, thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, nhưng thường xuyên vắng mặt tại nhà, vì vậy không thể thực hiện việc tổng đạt hoặc thông báo trực tiếp được. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho anh Lê Ngọc H theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh H vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Lê Ngọc H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào năm 1999, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh chửi nhau. Từ tháng 2 năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh Lê Ngọc H không đến Tòa án làm việc, cũng không có quan điểm trình bày về việc giải quyết vụ án.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị L và anh H không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Lê Ngọc H của chị Bùi Thị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh H có 03 con chung:

Cháu Lê Ngọc N, sinh ngày 28/10/2000 đã thành niên đã lao động tự lập được, chị L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Lê Thị Tuyết Á, sinh ngày 13/10/2010 và Lê Bảo A, sinh ngày 11/3/2020 hiện đang ở cùng chị L. Khi giải quyết việc ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, nguyện vọng của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Chị L có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con (Á, A), không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý cho hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Lê Ngọc H.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao chị Bùi Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Tuyết Á, sinh ngày 13/10/2010 và Lê Bảo A, sinh ngày 11/3/2020. Anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai số 0000444, ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh